Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 06

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ THƯỢNG LONG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B	Giáp địa giới hành chính xã Đồng Thịnh cũ	Cổng trường mầm non Phúc Khánh	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
2		Cổng trường mầm non Phúc Khánh	Cổng công ty khoáng sản Thắng Lợi	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
3		Cổng công ty khoáng sản Thắng Lợi	Hết địa giới hành chính xã Phúc Khánh cũ	3.500	1.900	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
4	Đường 229	Ngã ba đường rẽ đi khu Minh Tân	Dốc cửa chông khu Minh Long	700	390	280	280	150	110	210	120	110
5	Đường liên xã	Lối rẽ đi nghĩa trang Ba Chôm	Cầu Trắng khu Quán, xã Thượng Long cũ	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
6		Cầu Trắng khu Quán, xã Thượng Long cũ	Điểm đầu khu đấu giá Đồng Chung	2.700	1.500	1.100	1.100	600	400	800	400	300
7		Điểm đầu khu đấu giá Đồng Chung	Ngầm khu Móc Thiều	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
8		Ngầm khu Móc Thiều	Dốc Cửa Chông khu Minh Long	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
9		Nhà văn hóa khu Đình	Nhà văn hóa khu Đồng Hù	1.000	550	400	500	280	200	400	220	160
10		Giáp đường ĐH97 (khu Tân Tiến)	Hết khu Trung Lợi giáp xã Yên Lập	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
11		Ngầm khu Gò Vệ	Khu đấu giá Sơn Nga	1.000	550	400	500	280	200	400	220	160
12		Đường ĐH 98 (khu Cảy)	Đường ĐH 98 (khu Trung Lợi)	1.000	550	400	400	280	160	300	165	120
13	Đất hai bên đường liên thôn, liên xóm	Ngã ba xóm Quang Trung	Ngã ba hồ Đồng Đường khu Minh Thượng	700	390	280	280	150	110	210	130	120
14		Ngã ba xóm Bằng	Ngã ba giáp nghĩa địa Minh Long	600	330	240	240	130	100	180	110	100
15		Đường ĐH 97 (khu Đo)	Ngã ba Ao Bòng	650	360	260	260	140	100	200	120	110
16		Nhà văn hóa khu Đồng Chung	Nhà văn hóa khu Dân Chủ	1.000	550	400	400	280	160	300	210	120
*	**Khu đấu giá, tái định cư**											
17	Khu vực đấu giá QSD đất ở tại khu Quang Trung			5.000			2.500			2.000		
18	Khu tái định cư Đồi Giang			500			200			150		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
19	Khu đất đấu giá thuộc khu vực còn lại			600			250			200		
20	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			500			200			150		